

Bản án số: 27/2025/DS-PT
Ngày 06 tháng 02 năm 2025
V/v: “Hợp đồng mua bán trái
phiếu”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thám và bà Đào Nữ Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 378/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024; tranh chấp “Hợp đồng mua bán trái phiếu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 356/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 419/2024/QĐXX-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Văn L, sinh năm 1963; địa chỉ thường trú: Số A, đường số H cư xá B, phường H, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: P, số A Đ, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1984 và bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 2000; cùng địa chỉ liên hệ: Phòng 104, số A Đ, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 03/5/2024). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Minh Đ - Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư Thành Phố H. (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần X; địa chỉ trụ sở: Số A, N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Đức T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Cao Phước Q, sinh năm 1985 (theo Giấy ủy quyền số 06/GUQ-XNK, ngày 06/02/2025); cùng địa chỉ liên hệ: số A N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần T3; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T, 1 N, Phường N, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Minh T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316744855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố H cấp). (vắng mặt)

3.2. Công ty Cổ phần C; địa chỉ trụ sở: Tầng D, số E N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh B1 - Tổng giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305351556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp). (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Ngọc B và bà Trần Thị Thanh H là đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Vào năm 2021, bà Lý Văn L được biết Công ty cổ phần X có phát hành gói trái phiếu mã số AGMH2123001, nên bà L đã đồng ý mua trái phiếu này thông qua 02 hợp đồng đặt mua trái phiếu, cụ thể:

- Hợp đồng 1: Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 219/HDDM-AGMH2123001 ngày 14 tháng 12 năm 2021, hợp đồng được ký kết giữa tổ chức phát hành Công ty cổ phần X và bên đặt mua bà Lý Văn L, với nội dung: Mã trái phiếu AGMH2123001; mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu; loại trái phiếu: không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm; ngày phát hành: 09 tháng 11 năm 2021; ngày đáo hạn: 09 tháng 11 năm 2023; lãi suất áp dụng của trái phiếu: lãi suất cố định 7%/năm; kỳ tính lãi: định kỳ 03 (ba) tháng/lần từ ngày phát hành; khối lượng trái phiếu đặt mua: 500 trái phiếu tương ứng số tiền: 500.000.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng thì bà L đã thanh toán đủ số tiền 500.000.000 đồng và đã được Công ty cổ phần X xác nhận giao dịch, theo giấy xác nhận số 219/GXN-HDDM-FIX365-AGMH2123001, ngày 14/12/2021 như nội dung được thể hiện trong hợp đồng đặt mua.

Cùng ngày 14 tháng 12 năm 2021, Công ty cổ phần C là đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển nhượng trái phiếu của Công ty cổ phần X đã phát hành

Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu mã số 219/HDDM-AGMH2123001 với nội dung chứng nhận bà L là chủ sở hữu của 500 trái phiếu AGMH2123001 nêu trên.

- Hợp đồng 2: Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 220/HDDM-AGMH2123001 ngày 16 tháng 12 năm 2021, hợp đồng được ký kết giữa tổ chức phát hành Công ty cổ phần X và bên đặt mua bà Lý Văn L, với nội dung: Mã trái phiếu AGMH2123001; mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu; loại trái phiếu: không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm; ngày phát hành: 09 tháng 11 năm 2021; ngày đáo hạn: 09 tháng 11 năm 2023; lãi suất áp dụng của trái phiếu: lãi suất cố định 7%/năm; kỳ tính lãi: định kỳ 03 (ba) tháng/lần từ ngày phát hành; khối lượng trái phiếu đặt mua: 500 trái phiếu tương ứng số tiền: 500.000.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng thì bà L đã thanh toán đủ số tiền 500.000.000 đồng và đã được Công ty cổ phần X xác nhận giao dịch, theo giấy xác nhận số 220/GXN-HDDM-FIX365-AGMH2123001, ngày 16/12/2021 như nội dung được thể hiện trong hợp đồng đặt mua.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, Công ty cổ phần C là đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển nhượng trái phiếu của Công ty cổ phần X đã phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu mã số 220/HDDM-AGMH2123001 với nội dung chứng nhận bà L là chủ sở hữu của 500 trái phiếu AGMH2123001 nêu trên.

Ngoài khoản lãi suất trái phiếu 7%/năm, Công ty cổ phần X còn ban hành Văn bản số 520/2021/CV-AGM, ngày 09/11/2021 về việc cam kết bổ sung phí hỗ trợ cho gói trái phiếu AGMH2123001 là 5%/năm cho tất cả các trái chủ tính trên mệnh giá sở hữu trái phiếu cho đến thời điểm đáo hạn của trái phiếu. Phí hỗ trợ được thanh toán cho nhà đầu tư vào ngày thanh toán lãi. Điều này có nghĩa khi tham gia mua trái phiếu, nhà đầu tư được hưởng lãi suất áp dụng của trái phiếu, tổng cộng là 12%/năm (gọi là lãi trái phiếu).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần X đã thanh toán cho bà L tiền lãi trái phiếu của các kỳ 1, 2, 3, và một phần kỳ 4, sau đó thì ngưng không trả nữa và ngày cuối cùng thanh toán là ngày 22 tháng 3 năm 2023. Bà L đã nhiều lần yêu cầu Công ty phải thanh toán nợ gốc và lãi của các kỳ còn nợ khi đến hạn, nhưng Công ty không thực hiện. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần X phải thanh toán cho bà tổng số tiền 1.341.434.573 đồng, bao gồm: nợ gốc của trái phiếu là 1.000.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (bằng 150% mức lãi suất do các bên thỏa thuận, tương đương 18%/năm) từ ngày đáo hạn (ngày 09/11/2023) tạm tính đến ngày 16/5/2024 là 93.205.480 đồng; T2 phạt vi phạm theo thỏa thuận trong hợp đồng là 8%/tiền gốc trái phiếu là 80.000.000 đồng; tiền lãi trái phiếu còn nợ (một phần kỳ 4 và các kỳ 5, 6, 7, 8) tính đến ngày đáo hạn là 141.675.148 đồng; tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản lãi trái phiếu tính đến ngày đáo hạn là 12.210.920 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất là 18%/năm từ ngày đáo hạn tạm tính đến ngày 16/5/2024 đối với số tiền nợ lãi (nợ lãi trái phiếu chưa thanh toán + nợ lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả lãi) là 14.343.025 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 17/5/2024 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng, không yêu cầu Công ty cổ phần X phải trả số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8%/tiền gốc trái phiếu.

Bị đơn do ông Lương Đức T, ông Lê Trọng K và ông Cao Phước Q là đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Bị đơn xác định các điều khoản được các bên thỏa thuận về việc hoàn thành giao dịch đặt mua trái phiếu đã được các bên tham gia thực hiện đầy đủ. Bị đơn có thiện chí thống nhất trả nợ cho nguyên đơn, nhưng bị đơn cần có thời gian để xử lý tài sản bảo đảm có nguồn vốn trả nợ. Bị đơn thống nhất với số tiền gốc mua trái phiếu còn nợ bà L. Đối với số tiền lãi của các kỳ còn nợ và tiền lãi quá hạn thì bị đơn thống nhất trả cho bà L theo yêu cầu, nhưng mức lãi phải trả thì bị đơn chỉ đồng ý lãi trong hạn phải trả là 7%/năm và lãi quá hạn là 10,5%/năm (150% x 7%/năm), không đồng ý đối với phí hỗ trợ 5%/năm, vì do đây phí hỗ trợ nhà đầu tư nên chỉ được áp dụng khi Công ty kinh doanh có sinh lợi. Hơn nữa, khoản phí này được xác định theo các Văn bản do ông Đỗ Thành N - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần X ký, đóng dấu và gửi đến các nhà đầu tư. Nhưng tại thời điểm phát hành văn bản thì người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Võ Thanh B2 - Tổng Giám đốc của Công ty. Vì vậy, chưa xác định được việc ông N đại diện Công ty cam kết trả phần phí hỗ trợ này cho các nhà đầu tư là phù hợp quy định pháp luật không, nên cần triệu tập ông N để làm rõ và yêu cầu triệu tập Ngân hàng thương mại cổ phần S Chi nhánh P (là bên nhận thế chấp hoặc tổ chức quản lý tài sản bảo đảm) và Công ty cổ phần L3, ông Vũ Ngọc L1 (bên thế chấp tài sản), là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án, vì: Theo quy định tại Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu của Công ty, việc xử lý tài sản đảm bảo để thanh toán các khoản nợ cho các trái chủ diễn ra ngay khi Công ty cổ phần X (Tổ chức phát hành) phát sinh sự kiện chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mất khả năng thanh toán sau đây gọi là “Sự kiện vi phạm”. Ngày 03/02/2023, sau khi Công ty cổ phần X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết, Chủ sở hữu trái phiếu đã tổ chức Hội nghị người sở hữu trái phiếu và thông qua Biên bản Hội nghị yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo do đến hạn thực hiện nghĩa vụ nhưng Công ty không thanh toán dẫn đến sự kiện vi phạm theo quy định tại các văn kiện trái phiếu. Tuy nhiên, kể từ thời điểm có chỉ thị của Chủ sở hữu trái phiếu cho đến nay thì phía Ngân hàng thương mại cổ phần S Chi nhánh P và Công ty cổ phần L3, ông Vũ Ngọc L1 chưa thực hiện việc bàn giao cũng như xử lý tài sản đảm bảo để thanh toán nợ cho các trái chủ, điều này đã ảnh hưởng và dẫn đến việc khiếu kiện của các trái chủ đối với Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T3 và Công ty cổ phần C vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 356/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều

280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 131 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Căn cứ Điều 4, mục 2 Chương II, Điều 121 Luật Chứng khoán 2019;

Căn cứ Điều 166, Điều 351, Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Văn L đối với Công ty cổ phần X.

Buộc Công ty cổ phần X có trách nhiệm trả cho bà Lý Văn L số tiền 1.254.545.587 đồng (một tỷ, hai trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: vốn 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn và phí hỗ trợ 141.675.149 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 112.870.438 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024) cho đến khi thanh toán xong, Công ty cổ phần X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán với mức lãi suất quá hạn là 10,5%/năm (150% x 7%/năm) theo Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước phát hành ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Công ty cổ phần X, gói trái phiếu mã AGMH2123001.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lý Văn L về việc yêu cầu Công ty cổ phần X phải trả tiền phạt vi phạm hợp đồng với mức 08% trên tiền gốc trái phiếu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Ngày 08/10/2024, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần X có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét, cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ nội dung vụ án, không đồng ý Bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, thống nhất với quyết định án sơ thẩm, tuy nhiên yêu cầu xem xét đưa Ngân hàng thương mại Cổ phần S chi nhánh P và Công ty cổ phần L3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, để đảm bảo về việc xử lý tài sản thế chấp của Công ty cổ phần X. Các đương sự xác định không cung cấp chứng cứ mới.

Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn ý kiến: Căn cứ phía bị đơn đưa ra là không có cơ sở; bởi vì, tại đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ khởi kiện do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với 02 hợp đồng mua bán trái phiếu mà nguyên đơn đã mua; không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp; việc bị đơn yêu cầu đưa Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh P và Công ty cổ phần L3 vào tham gia tố tụng là không cần thiết, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Cao Phước Q ý kiến: Thống nhất với Quyết định của bản án sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn chỉ yêu cầu đưa Ngân hàng thương mại Cổ phần S chi nhánh P và Công ty Cổ phần L3 tham gia tố tụng, để xem xét có liên quan đến tài sản thế chấp của Công ty được bảo đảm và thuận tiện cho việc xử lý nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của đương sự tại phiên tòa, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn, về tiền án phí phúc thẩm tính theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn Công ty cổ phần X kháng cáo hợp lệ, được cấp xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thì thấy;

[2.1] Có căn cứ xác định giữa bà L và Công ty cổ phần X đã phát sinh giao dịch mua bán trái phiếu mã AGMH2123001 do Công ty cổ phần X phát hành ngày 09/11/2021, với tổng số lượng mua bán là 1.000 trái phiếu, trị giá 1.000.000.000 đồng. Thực hiện giao dịch, bà L đã thanh toán đủ số tiền mua trái phiếu, đã được cấp giấy chứng nhận chủ sở hữu trái phiếu; Công ty cổ phần X đã xác nhận giao dịch và thanh toán tiền lãi trái phiếu, phí hỗ trợ cho nhà đầu tư.

Giao dịch mua bán trái phiếu đã được các bên thực hiện trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định tại Điều 131 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 4 Luật chứng khoán 2019; Điều 8 Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp R tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện giao dịch, Công ty cổ phần X đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi trái phiếu và phí hỗ trợ của một phần kỳ 4 và các kỳ còn lại khi đến hạn thanh toán. Đến ngày đáo hạn trái phiếu là ngày 09/11/2023, trái chủ và Công ty cổ phần X không đạt được thỏa thuận về việc đáo hạn gói trái phiếu, nhưng Công ty cũng không trả lại tiền gốc. Như vậy, Công ty cổ phần X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại tiểu mục 11 mục II Phần 1; mục 7; điểm b tiểu mục 8.1 mục 8 và tiểu mục 9.1 mục 9 phần Phụ lục của Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu và khoản 1 Điều 17 Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lại số tiền gốc mua trái phiếu, tiền lãi trái

phiếu theo mức lãi suất trái phiếu 7%/năm của các kỳ trong kỳ hạn còn chưa thanh toán là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Cao Phước Q thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm; tuy nhiên, yêu cầu xem xét đưa Ngân hàng thương mại Cổ phần S chi nhánh P và Công ty Cổ phần L3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, để đảm bảo về việc xử lý tài sản thế chấp của Công ty cổ phần X.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ khởi kiện liên quan đến 02 hợp đồng mua trái phiếu giữa bà Lý Văn L với Công ty cổ phần X, do phía bị đơn đã vi phạm hợp đồng, nguyên đơn không có yêu cầu xem xét các tài sản thế chấp của C1, nên cấp sơ thẩm căn cứ vào nội dung hợp đồng và các điều khoản trong hợp đồng đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần X phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 356/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Văn L đối với Công ty cổ phần X.

Buộc Công ty cổ phần X có trách nhiệm trả cho bà Lý Văn L số tiền 1.254.545.587 đồng (một tỷ, hai trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: vốn 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn và phí hỗ trợ 141.675.149 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 112.870.438 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024) cho đến khi thanh toán xong, Công ty cổ phần X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán với mức lãi suất quá hạn là 10,5%/năm (150% x 7%/năm) theo Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước

phát hành ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Công ty cổ phần X, gói trái phiếu mã AGMH2123001.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lý Văn L về việc yêu cầu Công ty cổ phần X phải trả tiền phạt vi phạm hợp đồng với mức 08% trên tiền gốc trái phiếu.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần X phải chịu 300.000đ, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001702 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn